

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29
PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN	30 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Văn Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
Ông La Văn Út	Ủy viên
Ông Đàm Xuân Trọng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2014)
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Lưu Văn Thăng	Tổng Giám đốc
Ông Đàm Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Quang Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông La Văn Út	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lưu Văn Thăng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		264.922.857.978	283.947.181.795
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	73.892.390.210	86.422.064.243
1. Tiền	111		50.892.390.210	68.422.064.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	18.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	1.116.862.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.866.411.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.749.548.870)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.853.824.232	141.391.630.759
1. Phải thu khách hàng	131		121.031.694.954	130.478.823.605
2. Trả trước cho người bán	132		2.691.007.213	6.594.967.937
3. Các khoản phải thu khác	135	7	10.272.393.256	4.400.133.403
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(141.271.191)	(82.294.186)
IV. Hàng tồn kho	140	8	53.557.936.738	51.628.299.808
1. Hàng tồn kho	141		53.667.361.980	51.737.725.050
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.618.706.798	3.388.324.785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		354.796.255	343.890.330
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	312.829.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		933.174.342	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.330.736.201	2.731.605.095
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1.843.881.272.301	1.953.856.910.348
I. Tài sản cố định	220		1.825.270.863.542	1.936.066.297.738
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.791.421.091.761	1.888.028.689.164
- Nguyên giá	222		3.743.958.350.604	3.591.562.738.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.952.537.258.843)	(1.703.534.049.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227		27.637.975.716	28.250.980.211
- Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(613.004.495)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		6.211.796.065	19.786.628.363
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.871.640.289	17.006.247.536
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	2.021.284.596	2.206.247.536
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	66.500.000.000	66.500.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11	(51.649.644.307)	(51.700.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.738.768.470	784.365.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		48.207.470	151.008.074
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	320.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.690.561.000	313.357.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.108.804.130.279	2.237.804.092.143

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 29 là một bộ phận thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN


Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.059.955.502.399	1.185.692.523.462
I. Nợ ngắn hạn	310		464.014.143.349	429.744.718.025
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	276.272.014.698	258.677.272.750
2. Phải trả người bán	312		75.152.171.742	55.051.621.043
3. Người mua trả tiền trước	313		636.410.101	131.454.859
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.322.313.225	11.800.568.625
5. Phải trả người lao động	315		32.347.148.442	26.724.855.885
6. Chi phí phải trả	316	14	39.427.771.436	69.169.405.844
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	27.830.550.787	5.058.564.551
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.025.762.918	3.130.974.468
II. Nợ dài hạn	330		595.941.359.050	755.947.805.437
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	595.941.359.050	755.947.805.437
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.048.848.627.880	1.052.111.568.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.048.848.627.880	1.052.111.568.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		798.666.660.000	798.666.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		206.604.956.661	195.098.088.307
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.560.213.887	24.266.415.142
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.812.366.999	45.875.974.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.108.804.130.279	2.237.804.092.143

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	42.773.872.496	36.011.686.819
2. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	197.721	245.011


Nguyễn Trọng Nghĩa
Người lập biểu


Phạm Lý Trang Khanh
Kế toán trưởng


Lưu Văn Thăng
Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.526.076.104.077	1.564.150.715.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.526.076.104.077	1.564.150.715.475
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.359.316.768.619	1.417.594.063.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		166.759.335.458	146.556.652.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.550.408.121	9.379.075.453
7. Chi phí tài chính	22	24	70.457.252.966	92.723.027.525
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	57.739.605.633	73.278.231.104
8. Chi phí bán hàng	24		2.919.316.070	2.206.293.529
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.760.283.799	36.013.209.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		58.172.890.744	24.993.196.837
11. Thu nhập khác	31	25	10.732.965.493	45.667.805.927
12. Chi phí khác	32	25	1.331.076.106	7.486.719.100
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	9.401.889.387	38.181.086.827
14. (Lỗ) trong công ty liên kết	45		(184.962.940)	(2.083.435.708)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		67.389.817.191	61.090.847.956
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	14.597.450.392	16.127.215.353
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		320.000.000	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		52.472.366.799	44.963.632.603
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Mẹ	62		52.472.366.799	44.963.632.603
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27		570

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
 Kế toán trưởng

Lưu Văn Thăng
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.389.817.191	61.090.847.956
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	261.949.422.298	256.098.678.626
Các khoản dự phòng	03	(1.740.927.558)	(575.486.350)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11.125.609.530	14.459.691.623
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(8.087.480.739)	(42.493.162.231)
Chi phí lãi vay	06	57.739.605.633	73.278.231.104
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	388.376.046.355	361.858.800.728
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.116.652.128	(22.757.900.065)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.929.636.930)	22.759.060.645
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.926.286.649	(54.414.319.391)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1.265.139.639)	(563.181.343)
Tiền lãi vay đã trả	13	(60.487.580.017)	(79.528.106.225)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.113.650.772)	(9.081.977.003)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.825.519.550)	(7.415.323.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	318.797.458.224	210.857.054.096
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(165.150.235.536)	(16.588.892.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.323.735.686	44.390.956.050
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.399.078.293	159.023.750
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.417.886.942	7.066.727.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.009.534.615)	35.027.815.422
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	112.243.590.800	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(265.569.917.939)	(338.141.298.570)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.050.989.225)	(23.590.740.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(177.377.316.364)	(361.732.038.795)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(12.589.392.755)	(115.847.169.277)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	86.422.064.243	202.241.342.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	59.718.722	27.890.530
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	73.892.390.210	86.422.064.243

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Nguyễn Trọng Nghĩa
Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
Kế toán trưởng

Lưu Văn Thăng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 798.666.660.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex góp 52%, còn lại là các cổ đông khác.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco đặt tại số 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh của Công ty đặt tại tòa nhà Viet Dragon, số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (Công ty mẹ) có hai công ty con. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại các công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ
1. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 506 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 517 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển;
- Kinh doanh nhà ở, môi giới bất động sản;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải đường biển;
- Dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển, cho thuê thuyền viên, môi giới hàng hải, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại 236/106/1A Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 26.818.946.595 đồng, với thời hạn sử dụng đến năm 2057 và giá trị quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng với nguyên giá là 1.432.033.616 đồng với thời hạn sử dụng đất lâu dài.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này theo tỷ giá bán tại ngày này do Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương công bố (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 2464/BTC-TCĐN ngày 27 tháng 02 năm 2014 về việc đánh giá các khoản tài sản công nợ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Đối với hoạt động dịch vụ vận tải biển quốc tế: Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ năm 2006.

Đối với hoạt động khác: Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	820.468.432	752.642.122
Tiền gửi ngân hàng	50.071.921.778	67.669.422.121
Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	18.000.000.000
	<u>73.892.390.210</u>	<u>86.422.064.243</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao bán thành công toàn bộ số chứng khoán ngắn hạn nắm giữ đầu năm và hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích lập tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (*)	9.358.459.793	2.116.388.156
Bảo hiểm xã hội	187.876.194	165.805.278
Bảo hiểm thất nghiệp	10.624.395	10.380.487
Phải thu về xử lý hao hụt	106.608.026	1.260.187.545
Khác	608.824.848	847.371.937
	10.272.393.256	4.400.133.403

(*) Phản ánh số tiền Công ty chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex về các chi phí phát sinh trên tàu Vân Phong trong phạm vi cung cấp dịch vụ quản lý tàu của Công ty và các khoản phải thu khác.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.627.425.804	-
Nguyên liệu, vật liệu	50.678.529.754	51.252.658.789
Công cụ, dụng cụ	361.406.422	485.066.261
	53.667.361.980	51.737.725.050
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(109.425.242)	(109.425.242)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	53.557.936.738	51.628.299.808

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	6.631.671.465	418.919.147	3.583.790.392.812	721.755.522	3.591.562.738.946
Tăng trong năm	-	-	164.752.990.082	-	164.752.990.082
Thanh lý	-	-	12.291.746.606	-	12.291.746.606
Giảm khác	-	-	-	65.631.818	65.631.818
Tại ngày 31/12/2014	6.631.671.465	418.919.147	3.736.251.636.288	656.123.704	3.743.958.350.604
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	2.860.178.961	418.919.147	1.699.663.176.840	591.774.834	1.703.534.049.782
Khấu hao trong năm	312.730.608	-	260.945.706.491	77.980.704	261.336.417.803
Thanh lý	-	-	12.291.746.606	-	12.291.746.606
Giảm khác	-	-	-	41.462.136	41.462.136
Tại ngày 31/12/2014	3.172.909.569	418.919.147	1.948.317.136.725	628.293.402	1.952.537.258.843
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	3.458.761.896	-	1.787.934.499.563	27.830.302	1.791.421.091.761
Tại ngày 31/12/2013	3.771.492.504	-	1.884.127.215.972	129.980.688	1.888.028.689.164

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.589.480.166.124 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.881.010.900.680 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2014 là 82.012.003.887 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 92.777.287.961 đồng).

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang với giá gốc khoản đầu tư là 5 tỷ đồng. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng Hải Mỹ Giang	Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	20	20	Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ hàng hải khác, dịch vụ vận tải và đại lý kinh doanh xăng dầu

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	85.368.805.195	86.852.632.153
Tổng công nợ	(75.262.382.213)	(75.821.394.471)
Tài sản thuần	10.106.422.982	11.031.237.682
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	2.021.284.596	2.206.247.536
	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu	13.369.704.051	10.655.840.690
Lỗ thuần	(1.079.422.444)	(10.417.178.540)
Lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(184.962.940)	(2.083.435.708)

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh số tiền Công ty mua cổ phần của các công ty sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần An Phú	53.500.000.000	53.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho cảng xăng dầu Hàng không Miền Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	66.500.000.000	66.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	(51.649.644.307)	(51.700.000.000)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn	14.850.355.693	14.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(*) Bao gồm giá trị dự phòng trích lập cho các loại cổ phiếu sau:

- Dự phòng giảm giá 625.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú với số tiền 51.500.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 51.500.000.000 đồng). Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào giá giao dịch trung bình cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số tiền 149.644.307 đồng. Giá trị dự phòng được xác định căn cứ vào tỷ lệ góp vốn thực tế và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính	105.795.882.090	104.411.960.250
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	64.215.000.000	63.375.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	92.095.012.500	90.890.312.500
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	14.166.120.108	-
	<u>276.272.014.698</u>	<u>258.677.272.750</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.280.710.718	3.307.618.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.563.230.934	8.079.431.314
Thuế thu nhập cá nhân	704.000	391.662.350
Thuế khác	477.667.573	21.856.742
	<u>8.322.313.225</u>	<u>11.800.568.625</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (*)	21.252.420.600	41.643.319.500
Chi phí lãi vay phải trả	13.003.505.820	15.795.034.323
Chi phí phải trả khác	5.171.845.016	11.731.052.021
	<u>39.427.771.436</u>	<u>69.169.405.844</u>

(*) Căn cứ theo Công văn số 7499/BTC-CDKT ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính trả lời Công ty về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển theo chu kỳ 2 năm/lần lên đã sửa chữa. Số dư trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm chi phí sửa chữa lớn trích trước của năm 2014 chưa quyết toán và 1/2 chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đối với các con tàu phải lên đã sửa chữa trong năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, Đảng phí	948.670.589	828.700.299
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	5.282.328	177.013
Cổ tức phải trả (*)	23.754.543.350	485.532.975
Phải trả liên quan đến tổn thất va chạm của Tàu Áp Bắc	-	1.600.000.000
Phải trả khác	3.122.054.520	2.144.154.264
	<u>27.830.550.787</u>	<u>5.058.564.551</u>

(*) Phân ảnh số dư phải trả cổ đông về số cổ tức được tạm ứng từ lợi nhuận năm 2014 với tỷ lệ 3% theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT-VITACO của Hội đồng Quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2014.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính (i)	256.796.031.157	357.848.828.187
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ii)	288.967.500.000	348.562.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	220.203.937.500	308.213.750.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (iv)	106.245.905.091	-
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(276.272.014.698)	(258.677.272.750)
	<u>595.941.359.050</u>	<u>755.947.805.437</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	276.272.014.698	258.677.272.750
Trong năm thứ hai	273.068.874.175	258.677.272.750
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	287.457.180.324	497.270.532.687
Sau năm năm	35.415.304.551	-
	<u>872.213.373.748</u>	<u>1.014.625.078.187</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	276.272.014.698	258.677.272.750
Số phải trả sau 12 tháng	<u>595.941.359.050</u>	<u>755.947.805.437</u>

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm những khoản vay sau:

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính bao gồm 02 hợp đồng vay:

a) Hợp đồng số 01/2008/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2008 với tổng số tiền vay là 15.000.000 USD và 137.374.760.675 đồng tương đương với 7.400.000 USD. Theo Phụ lục số 01/2008/VITACO.VCB-HĐTD ngày 09 tháng 9 năm 2008, khoản nợ vay bằng VND đã được chuyển đổi thành khoản nợ vay USD là 8.288.070 USD. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 12 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 04/2014/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 20 tháng 8 năm 2014, lãi suất được quy định là LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2.5%/năm, tuy nhiên mức lãi suất sàn áp dụng không thấp hơn 8,0%/năm. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 12 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 4.865.111,50 USD (tương đương 104.137.711.657 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- b) Hợp đồng số 02/2008/Vitaco.VCB-HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2008 với tổng số tiền cho vay là 22.500.000 USD, nhằm mục đích đầu tư cho Dự án tàu chở dầu Petrolimex 14 trọng tải 13.000 DWT. Kỳ hạn thanh toán là 120 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất được quy định là lãi suất huy động tiết kiệm bằng USD kỳ hạn 12 tháng của cá nhân trả lãi sau mà Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương công bố vào ngày xác định lãi suất cộng với lãi suất biên và không thấp hơn lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Petrolimex 14 và quyền lợi bảo hiểm con tàu, cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 7.131.900 USD (tương đương 152.658.319.500 đồng).
Tổng số dư nợ gốc vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 256.796.031.157 đồng.
- (ii) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) làm đầu mối theo Hợp đồng số 20/2008/Vitaco-HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2008. Số tiền vay tối đa là 30.000.000 USD, dùng để đầu tư cho dự án mua tàu Petrolimex 11. Thời hạn vay là 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất được quy định theo Phụ lục số 20/2008/VITACO-HĐTD/PL05 ngày 20 tháng 6 năm 2012, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 (ba) tháng/lần, và bằng lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của PGBank và BIDV- SDG1 cộng (+) biên độ 3,2%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PVFC (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt nam - PV Combank) tại ngày xác định lãi suất. Trong đó, lãi suất cho vay tối thiểu của PVFC là lãi suất sử dụng vốn tối thiểu do Tổng Giám đốc PVFC phê duyệt/ban hành tại từng thời kỳ và được PVFC thông báo cho ngân hàng đầu mối tại ngày xác định lãi suất. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 13.500.000 USD (tương đương 288.967.500.000 đồng).
- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0007/TD1/06CN ngày 22 tháng 11 năm 2006. Số tiền vay tối đa là 39.900.000 USD, dùng để thanh toán 80% tiền mua tàu Petrolimex 09. Thời hạn vay 120 tháng, thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Theo Phụ lục số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2013, lãi suất được quy định là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên 2%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 10.287.500 USD (tương đương 220.203.937.500 đồng).
Ngày 06 tháng 5 năm 2009 và ngày 11 tháng 5 năm 2009, Công ty đã ký kết hai hợp đồng hoán đổi lãi suất với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex để phòng ngừa rủi ro lãi suất cho Hợp đồng tín dụng số 0007/TD1/06CN. Theo đó, thay vì phải trả lãi theo lãi suất biến đổi, Công ty sẽ trả lãi với mức lãi suất cố định cho hợp đồng nêu trên.
- (iv) Khoản vay dài hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng vay vốn dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 11 tháng 7 năm 2014 với số tiền 5.294.509 USD. Mục đích vay để đầu tư dự án mua tàu Crane Bright trọng tải 6.788 tấn. Kỳ hạn thanh toán là 96 tháng, thanh toán định kỳ 3 tháng kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014. Lãi suất vay trong hạn 4,5%/năm, áp dụng đối với khoản giải ngân trong 5 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân. Mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 13 tháng trả sau của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi SHB tại thời điểm điều chỉnh. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Nhà Bè 06, quyền lợi bảo hiểm con tàu cùng với toàn bộ quyền lợi, lợi ích phát sinh từ dự án. Dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả) là 4.963.602,20 USD (tương đương 106.245.905.091 đồng).
Theo thỏa thuận ba bên về nghĩa vụ vay và trả nợ vay số 01/2014/VITACO_VITACO MTV_SHBTL ngày 07 tháng 11 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long, các bên thống nhất chuyển giao nghĩa vụ vay và trả nợ vay từ Công ty sang cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Tại ngày 01/01/2013	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	181.133.187.959	21.801.790.645	49.292.489.941	1.039.098.558.878	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	44.963.632.603	44.963.632.603	
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(23.659.999.800)	(23.659.999.800)	
Trích các quỹ	-	-	-	13.964.900.348	2.464.624.497	(24.720.147.845)	(8.290.623.000)	
Tại ngày 01/01/2014	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	195.098.088.307	24.266.415.142	45.875.974.899	1.052.111.568.681	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.472.366.799	52.472.366.799	
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(47.319.999.600)	(47.319.999.600)	
Trích các quỹ (ii)	-	-	-	11.506.868.354	2.293.798.745	(22.215.975.099)	(8.415.308.000)	
Tại ngày 31/12/2014	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	206.604.956.661	26.560.213.887	28.812.366.999	1.048.848.627.880	

(i) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 17.

(ii) Trong năm, Công ty thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thực hiện năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2014 với số tiền lần lượt là 11.506.868.354 đồng, 2.293.798.745 đồng và 8.415.308.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2014	31/12/2013
			VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	414.652.170.000	52	414.652.170.000	414.652.170.000
Các cổ đông khác	384.014.490.000	48	384.014.490.000	384.014.490.000
	798.666.660.000	100	798.666.660.000	798.666.660.000

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	79.866.666
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	78.866.666
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. CỔ TỨC

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2014 với tỷ lệ là 3% tương ứng với số tiền là 23.659.999.800 đồng và tạm chi trả cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT-VITACO của Hội đồng Quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2014 với tỷ lệ 3% tương ứng với số tiền là 23.659.999.800 đồng. Quyết định cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh vận tải, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh vận tải	: Vận tải xăng dầu
Bộ phận kinh doanh thương mại	: Mua bán xăng dầu
Bộ phận khác	: Các hoạt động khác của Công ty

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>Vận tải</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh ra bên ngoài	851.852.383.527	644.925.778.229	29.297.942.321	1.526.076.104.077
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh cho các bộ phận khác (nội bộ)	-	-	3.253.403.776	3.253.403.776
Tổng Doanh thu	851.852.383.527	644.925.778.229	32.551.346.097	1.529.329.507.853
Kết quả hoạt động kinh doanh				-
Lợi nhuận gộp kinh doanh bộ phận	147.408.901.355	8.770.791.930	10.579.642.173	166.759.335.458
Chi phí phân bổ	32.646.034.348	4.021.434.684	5.012.130.837	41.679.599.869
Chi phí không phân bổ				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				125.079.735.589
Doanh thu hoạt động tài chính				3.550.408.121
Chi phí tài chính				70.457.252.966
Lợi nhuận từ hoạt động khác				9.401.889.387
Lỗ trong công ty liên kết				(184.962.940)
Lợi nhuận trước thuế				67.389.817.191
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				14.917.450.392
Lợi nhuận sau thuế				52.472.366.799

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

	<u>Vận tải</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.913.581.563.349	41.311.865.880	28.693.640.121	1.983.587.069.350
Tài sản không phân bổ				125.217.060.929
Tổng tài sản hợp nhất				2.108.804.130.279
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	966.768.337.421	47.261.468.343	9.944.985.489	1.023.974.791.253
Nợ phải trả không phân bổ				35.980.711.146
Tổng nợ phải trả hợp nhất				1.059.955.502.399

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và viễn dương.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nội địa	1.526.076.104.077	1.456.214.222.496
Viễn dương	-	107.936.492.979
	<u>1.526.076.104.077</u>	<u>1.564.150.715.475</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nội địa	1.819.059.067.477	1.916.279.669.375	164.752.990.082	16.588.892.050
Viễn dương	-	-	-	-

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.526.076.104.077	1.564.150.715.475
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu vận tải	851.852.383.527	930.938.878.685
Doanh thu bán hàng hóa	644.925.778.229	610.519.947.931
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	29.297.942.321	22.691.888.859
	<u>1.526.076.104.077</u>	<u>1.564.150.715.475</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.526.076.104.077	1.564.150.715.475

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ vận tải	702.762.381.288	797.445.833.753
Giá vốn của hàng hóa đã bán	636.154.986.299	604.523.161.660
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	20.399.401.032	15.625.067.954
	<u>1.359.316.768.619</u>	<u>1.417.594.063.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.124.983.792	276.958.361.431
Chi phí nhân công	114.886.000.678	108.265.704.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.949.422.298	256.098.678.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.415.644.247	152.171.945.197
Chi phí khác	57.465.331.174	57.795.715.297
	764.841.382.189	851.290.404.906

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.180.315.242	6.789.197.622
Cổ tức, lợi nhuận được chia	237.571.700	277.530.050
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.132.521.179	2.312.347.781
	3.550.408.121	9.379.075.453

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	57.739.605.633	73.278.231.104
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.039.481.726	20.007.061.956
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(1.799.904.563)	(575.486.350)
Chi phí tài chính khác	1.478.070.170	13.220.815
	70.457.252.966	92.723.027.525

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	7.720.000.000	44.390.956.050
Các khoản thu nhập khác	3.012.965.493	1.276.849.877
Thu nhập khác	10.732.965.493	45.667.805.927
Chi phí thanh lý nhượng bán	396.264.314	7.065.321.902
Các khoản chi phí khác	934.811.792	421.397.198
Chi phí khác	1.331.076.106	7.486.719.100
Lợi nhuận khác	9.401.889.387	38.181.086.827

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco	10.910.805.211	13.748.189.094
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco	3.013.160.884	1.811.291.427
Công ty TNHH Vitaco Đà Nẵng	673.484.297	567.734.832
	14.597.450.392	16.127.215.353

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.472.366.799	44.963.632.603
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	52.472.366.799	44.963.632.603
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	78.866.666	78.866.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	665	570

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.026.752.727	342.250.909

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.026.752.727	342.250.909

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 628 m2 lầu 8 và lầu 9, tòa nhà Viet Dragon tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 02 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

- Tổng số tiền thuê 229 m2 lầu 6, tòa nhà Master Building tại số 155 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê 3 năm từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 đến ngày 30 tháng 8 năm 2016.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	872.213.373.748	1.014.625.078.187
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	73.892.390.210	86.422.064.243
Nợ thuần	798.320.983.538	928.203.013.944
Vốn chủ sở hữu	1.048.848.627.880	1.052.111.568.681
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,76	0,88

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.892.390.210	86.422.064.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.613.180.658	134.878.957.008
Đầu tư ngắn hạn	-	1.116.862.200
Đầu tư dài hạn	9.000.000.000	8.800.000.000
Tài sản tài chính khác	1.690.561.000	313.357.000
Tổng cộng	215.196.131.868	231.531.240.451
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	872.213.373.748	1.014.625.078.187
Phải trả người bán và phải trả khác	102.028.769.612	60.110.185.594
Chi phí phải trả	39.427.771.436	69.169.405.844
Tổng cộng	1.013.669.914.796	1.143.904.669.625

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	31.610.157.539	37.480.865.151	923.340.899.156	1.061.396.930.283
Đô la Singapore (SGD)	-	-	1.007.510.031	2.620.814.895

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(44.541.058.305)	(51.195.803.257)
Đô la Singapore (SGD)	(50.375.502)	(131.040.745)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Như trình bày tại Thuyết minh số 16, để phòng ngừa rủi ro lãi suất, Công ty đã ký kết Hợp đồng hoán đổi lãi suất cho các hợp đồng tín dụng với số dư ngoại tệ (USD) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.287.500 USD. Các khoản vay còn lại chịu lãi suất thả nổi theo quy định cụ thể từng hợp đồng.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm bị ảnh hưởng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	Tăng/Giảm số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		VND
VND	+200	(13.040.188.725)
VND	-200	13.040.188.725
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+200	(14.128.226.564)
VND	-200	14.128.226.564

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ Công ty mẹ và các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACOTòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31/12/2014	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.892.390.210	-	73.892.390.210
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.613.180.658	-	130.613.180.658
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.690.561.000	1.690.561.000
Tổng cộng	204.505.570.868	10.690.561.000	215.196.131.868
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	102.028.769.612	-	102.028.769.612
Chi phí phải trả	39.427.771.436	-	39.427.771.436
Các khoản vay	276.272.014.698	595.941.359.050	872.213.373.748
Tổng cộng	417.728.555.746	595.941.359.050	1.013.669.914.796
Chênh lệch thanh khoản thuần	(213.222.984.878)	(585.250.798.050)	(798.473.782.928)
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31/12/2013	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.422.064.243	-	86.422.064.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.878.957.008	-	134.878.957.008
Đầu tư ngắn hạn	1.116.862.200	-	1.116.862.200
Đầu tư dài hạn	-	8.800.000.000	8.800.000.000
Tài sản tài chính khác	-	313.357.000	313.357.000
Tổng cộng	222.417.883.451	9.113.357.000	231.531.240.451
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	60.110.185.594	-	60.110.185.594
Chi phí phải trả	69.169.405.844	-	69.169.405.844
Các khoản vay	258.677.272.750	755.947.805.437	1.014.625.078.187
Tổng cộng	387.956.864.188	755.947.805.437	1.143.904.669.625
Chênh lệch thanh khoản thuần	(165.538.980.737)	(746.834.448.437)	(912.373.429.174)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính, tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Ngày 24 tháng 6 năm 2013, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco (Công ty con của Công ty) ký Hợp đồng thuê văn phòng số 07-2013/HĐ-MHH với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương để thuê lâu 6 tòa nhà 155 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền thuê hàng tháng là 94.119.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Căn cứ Nghị Quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15 tháng 4 năm 2014, Ngày 10 tháng 11 năm 2014 Công ty đã ban hành Quyết định số 151/VITACO-QĐ-TGD về việc thành lập Ban thanh lý tàu Nhà Bè 01 và tàu Nhà Bè 02. Theo đó, ngày 11 tháng 12 năm 2014, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Vitaco đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CTDV-TM VITACO về việc thanh lý hai tàu Nhà bè 01 và 02; và đầu tư mới tàu Nhà Bè 08 trong 6 tháng đầu năm 2015. Tại thời điểm phát hành báo cáo này Công ty đang thực hiện thủ tục cho việc thanh lý hai tàu nêu trên

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Xem chi tiết phụ lục “Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan”).

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Nguyễn Trọng Nghĩa
Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
Kế toán trưởng



Lưu Văn Thăng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO
 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
(TOÀN CÔNG TY)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị mua	Mối quan hệ	Sản phẩm hàng hóa				Sản phẩm vật tư máy móc thiết bị - thiết kế xây lắp			
				(Dầu sáng, dầu mỡ nhờn, gas, bếp, phụ kiện)		Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
				Doanh thu thuần	Phí xăng dầu						
A	B	C		1	2	3	4 = 1-3	5	6	7=5-6	
1	11085000	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	80.705.893.040	-	77.913.007.396	2.792.885.644	-	-	-	
2	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Thành viên Petrolimex	1.207.186.500	-	1.191.190.530	15.995.970	-	-	-	
		Cộng		81.913.079.540	-	79.104.197.926	2.808.881.614	-	-	-	

[Handwritten signature]

Nguyễn Trọng Nghĩa
 Người lập biểu

[Handwritten signature]

Phạm Lý Trang Khanh
 Kế toán trưởng



Lưu Văn Thăng
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO
 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)
(TOÀN CÔNG TY)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Mối quan hệ	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác	Đơn vị: VND
					Tổng số	Trong đó:			
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận		
A	B	C		I	2	3	4	5	
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ	314.388.508.685	-	-	-	-	
2	11085000	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	557.221.017.271	-	-	-	-	
3	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Thành viên Petrolimex	909.091	-	-	-	-	
4	11070000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	3.841.123.554	-	-	-	-	
5	11005000	Công ty Xăng dầu B12	Thành viên Petrolimex	-	-	-	-	820.614	
6	11002000	Công ty Xăng dầu KV II-TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	1.862.259.003	-	-	-	-	
7	11077000	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	Thành viên Petrolimex	398.653.846	-	-	-	-	
8	11100000	Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	Thành viên Petrolimex	27.718.806	-	-	-	-	
		Cộng		877.740.190.256	-	-	-	820.614	

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
 Kế toán trưởng

Lưu Văn Thăng
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
(TOÀN CÔNG TY)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị bán	Mối quan hệ	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C		1	2	3	4
I		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu năm		-	-	-	-
II		Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong năm		707.644.064.176	17.365.374.482	-	-
1	11002000	Công ty Xăng dầu KV II-TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	553.751.890.988	-	-	-
2	11004000	Công ty xăng dầu KV5	Thành viên Petrolimex	13.253.683.048	-	-	-
3	11005000	Công ty Xăng dầu B12	Thành viên Petrolimex	410.751.898	-	-	-
4	11005800	Cảng dầu B12	Thành viên Petrolimex	2.219.219.851	-	-	-
5	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	3.453.935.864	-	-	-
6	11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	19.462.193.351	-	-	-
7	11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	78.696.369.930	-	-	-
8	11024000	Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	-	17.168.747.482	-	-
9	11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Thành viên Petrolimex	137.491.200	196.627.000	-	-
10	11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Thành viên Petrolimex	32.011.231.257	-	-	-
11	11100000	Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	Thành viên Petrolimex	4.247.296.789	-	-	-
III		Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong năm		706.142.865.552	17.365.374.482	-	-
IV		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối năm		1.501.198.624	-	-	-



Uckand

Nguyễn Trọng Nghĩa
Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
Kế toán trưởng

Lưu Văn Thăng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 (TOÀN CÔNG TY)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Mối quan hệ	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHDXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược
A	B	C		1	2	3	4	5
		PHẦN I: NGÂN HẠN		92.376.254.544			9.358.459.793	
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ	23.795.282.965				
2	11070000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	1.889.872.790				
3	11077000	Công ty Cổ phần VT & DV Petrolimex Hải Phòng	Thành viên Petrolimex	552.751.445				
4	11085000	Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	66.113.823.544				
5	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Thành viên Petrolimex	24.523.800			9.358.459.793	

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
 Kế toán trưởng

Lưu Văn Thắng
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
(TOÀN CÔNG TY)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Mối quan hệ	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C		1	2	3	4	5	6
		PHẦN I: NGÂN HẠN		51.571.454.913			13.302.034.567		64.215.000.000
1	11085000	Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	1.359.073.028	-	-	12.567.742.459	-	-
2	11002000	Công ty Xăng dầu KV II-TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	28.191.539.405	-	-	-	-	-
3	11002400	Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Thành viên Petrolimex	58.645.161	-	-	-	-	-
4	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Thành viên Petrolimex	-	-	-	734.292.108	-	-
5	11019200	Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	Thành viên Petrolimex	130.059.018	-	-	-	-	-
6	11024400	Chi nhánh Hòa dầu Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	2.237.271.983	-	-	-	-	-
7	11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	818.071.760	-	-	-	-	-
8	11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	11.475.479.620	-	-	-	-	-
9	11070200	Công ty TNHH MTV Đông tau & Thương mại Petrolimex	Thành viên Petrolimex	771.302.983	-	-	-	-	64.215.000.000
10	11060000	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	-	-	-	-	-
11	11014000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Thành viên Petrolimex	5.908.102.651	-	-	-	-	-
12	11100000	Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	Thành viên Petrolimex	621.909.304	-	-	-	-	-
		PHẦN II: ĐẠI HẠN							224.752.500.000
1	11060000	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	-	-	-	-	224.752.500.000



Handwritten signature in blue ink

Nguyễn Trọng Nghĩa
 Người lập biểu

Phạm Lý Trang Khanh
 Kế toán trưởng

Lưu Văn Thắng
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015